

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Bùi Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thắm T, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Säck Cò, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn – bà Hồ Thắm T trình bày yêu cầu:**

Năm 1997, bà T và ông N tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, ông N đi nhậu về thì đánh vợ, có hành vi bạo lực gia đình, nay vợ chồng không còn hợp nhau, tình

cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Văn N.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lâm Hồng L (nữ) - sinh năm 1999, Lâm Hồng S (nam) – sinh năm 2004 (chết năm 2019), Lâm Hồng S – sinh ngày 10/3/2016. Khi ly hôn, đối với Hồng Loan đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, Lâm Hồng S1 đang sống chung với ông N, nên bà T đồng ý giao cháu Sang cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – ông Lâm Văn N trình bày: Năm 1997, ông N và bà T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, nay vợ chồng không còn hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn, ông N đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lâm Hồng Loan (nữ) - sinh năm 1999, Lâm Hồng S (nam) – sinh năm 2004 (chết năm 2019), Lâm Hồng S1 – sinh ngày 10/3/2016. Khi ly hôn, đối với Hồng Loan đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, Lâm Hồng S1 đang sống chung với ông N, nên yêu cầu nuôi cháu Sang, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Bà Hồ Thắm T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lâm Văn N vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa bà Hồ Thắm T với ông Lâm Văn N; giao cháu Lâm Hồng S1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn N được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông N vắng mặt không lý do. Nguyên đơn bà Hồ Thắm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Hồ Thắm T và ông Lâm Văn N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 1997, bà T và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà T và ông N, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng thuận tình ly hôn, tuy nhiên việc thuận tình ly hôn của ông bà không được Tòa án công nhận, do bà T và ông N sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thắm T và ông Lâm Văn N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 03 người con chung tên Lâm Hồng L (nữ) - sinh năm 1999, Lâm Hồng S (nam) – sinh năm 2004 (chết năm 2019), Lâm Hồng S1 – sinh ngày 10/3/2016.

Khi ly hôn, bà T và ông N thống nhất tiếp tục giao cháu Lâm Hồng S1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận: Tiếp tục giao cháu Lâm Hồng S1 cho ông Lâm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Hồ Thắm T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thắm T và ông Lâm Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Hồng S1, sinh ngày 10/3/2016 cho ông Lâm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thắm T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005843 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, án phí sơ thẩm bà T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn